

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2021

*“V/v Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung
khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bích.

2. Ông Hoàng Văn Khánh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Dung- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 08/9 và ngày 27/9/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXX-ST ngày 08/3/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐ-ST ngày 01/4/2021, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 112/2021/TB-TA ngày 12/4/2021, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 190/2021/TB-ST ngày 19/5/2021, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 210/TB-TA ngày 18/6/2021, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 325/2021/TB-TA ngày 21/7/2021, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 355/2021/QĐ-ST ngày 19/8/2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 20/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Lý Hải N, sinh năm 1970. (Có mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn Lường, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh B.

*** Bị đơn:** Chị Đinh Thị H, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Lường, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh B.

Hiện nay đang ở: Số nhà 166, thôn Lâm Cước, thị trấn Khê Khẩu, huyện Gia Nghĩa, Đà Loan.

- Người được ủy quyền nhận văn bản tố tụng của chị Đinh Thị H: Ông Đinh Văn Nam, sinh năm 1959. Địa chỉ: Thôn Lường, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh B. (Có mặt).

- Người đại diện ủy quyền về vấn đề tài sản của chị H là ông Đinh Văn Nam, sinh năm 1959 và bà Đinh Thị Lý, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn Lường, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh B. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H: Ông Nguyễn Bá Ngọc- Luật sư thuộc công ty luật TNHH một thành viên tỉnh B- Đoàn luật sư tỉnh B. (Có mặt)

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:***

1. Ông Trịnh Bá Diện, sinh năm 1963. (có mặt tại phiên tòa ngày 08/9; vắng mặt tại phiên tòa ngày 27/9).

Địa chỉ: Thôn Hòn Tròn, xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn, tỉnh B.

2. Ông Trần Quang Khải, sinh năm 1954 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Kép, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh B.

3. Anh Nguyễn Văn Thủy, sinh năm 1976. (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 405, đường Giáp Hải, phường Dĩnh Kế, thành phố B, tỉnh B (Đại lý phân bón Thủy Hà).

4. Anh Nguyễn Hữu Huế, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Mẫu Sơn, xã Chu Điện, huyện Lục Nam, tỉnh B.

5. Anh Phạm Văn Dân, Sinh năm 1964 (có mặt tại phiên tòa ngày 08/9, vắng mặt tại phiên tòa ngày 27/9)

Địa chỉ: Thôn Chấm, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh B.

6. Anh Vi Văn Hùng, sinh năm 1967 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Kép 2A, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh B.

7. Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam- Do ông Nguyễn Trường Giang- Giám đốc Chi nhánh Lục Ngạn, B II là đại diện theo ủy quyền. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Lý Thị Sâm, sinh năm 1993. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

ĐKKHKT: Thôn Lường, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh B.

Nơi cư trú: Số nhà 166, thôn Lâm Cước, thị trấn Khê Khẩu, huyện Gia Nghĩa, Đà Loan.

2. Anh Lý Văn Hào, sinh năm 1996. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

ĐKHKT: Thôn Lường, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh B

Nơi cư trú: Số 3, đường Neili, làng Neili, thị trấn Yuanchang, huyện Yunlin, Đài Loan.

3. Ông Trịnh Văn Nhang, sinh năm 1931. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Lường, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh B.

4. Ông Nguyễn Văn Kiêm, sinh năm: 1966 (Vắng mặt).

5. Bà Trịnh Thị Hoa, sinh năm: 1970 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Lường, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh B. 6.

Ông Đinh Công Đán, sinh năm 1955 (có mặt).

7. Bà Lý Thị Thủy, sinh năm 1959. (Vắng mặt).

8. Anh Đinh Thanh Tuấn, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

9. Chị Đinh Thị Liên, sinh năm 1988. (Vắng mặt).

Bà Thủy, anh Tuấn, chị Liên ủy quyền cho ông Đinh Công Đán. (Ông Đán có mặt)

Đều ở địa chỉ: Thôn Lường, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh B.

10. Công ty cổ phần sản xuất thương mại Thiên Ân.

Địa chỉ: thôn Lương Nỗ, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

11. Đại Lý thuốc trừ sâu Hương Thịnh.

Địa chỉ: phố Kép, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh B. (Vắng mặt)

12. UBND xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh B do ông Bùi Cao Huy-
Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân đại diện theo ủy quyền. (Vắng mặt)

13. Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh B do ông Mai Văn Dương- Chức
vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện Lục Ngạn đại diện theo ủy
quyền. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai và các bản khai tiếp theo nguyên đơn là anh Lý Hải N trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Đinh Thị H kết hôn ngày 20/10/1991, trên cơ sở hoàn toàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh B có được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn chị H có về nhà anh làm dâu, ở chung cùng gia đình anh một năm sau đó ra ở riêng tại khu Cầu Thông do bố mẹ anh làm cho nhà xây cay. Quá trình chung sống ban đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Từ năm 2005 chị H đã đi xuất khẩu

lao động nhiều lần Nng vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau và quan tâm đến nhau. Đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đến cuối năm 2017 thì chị H có bỏ về nhà bố mẹ để ở một thời gian và đi lao động tại Đài Loan, sau khi sang Đài Loan vợ chồng vẫn liên lạc điện thoại để hỏi thăm con với nhau Nng từ tháng 4/2018 anh và chị H không liên lạc với nhau nữa. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đinh Thị H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lý N Sâm, sinh năm 1993 và cháu Lý Văn Hảo, sinh 1996. Hiện nay các cháu đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết.

- Về tài sản: Anh không đề nghị chia tài sản Nng chị H có đơn yêu cầu anh đề nghị được tự hoà giải nếu không được thì chị H đề nghị chia anh cũng đồng ý. Cụ thể đối với yêu cầu chia của chị H:

1. Quyền sử dụng đất số W082567 do UBND huyện Lục Ngạn cấp ngày 01/11/2002, địa chỉ tại thôn Lường, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh B diện tích thửa đất tổng là 604m² gồm 400m² đất thổ cư và 204m² đất vườn và tài sản gắn liền trên đất hiện có nhà 03 tầng xây kiên cố công trình phụ kép kín diện tích sàn mỗi tầng là 80m², tổng diện tích là 240m²; có 1 nhà kho diện tích 144m² xây tường cay xỉ lợp mái tôn ngoài ra không có tài sản nào khác.

Chị H trình bày theo sổ cấp giấy chứng nhận là 604m² Nng thực tế đo chỉ khoảng 400m² đất thổ cư. Về nguồn gốc đất chị H trình bày 1993 là do bố mẹ anh cho một phần diện tích đất khoảng 130m² là không đúng mà là hơn 250m², sau đó vợ chồng mua thêm đất ruộng là 150m². Năm 2011 anh xây nhà trên đất đến năm 2014 mới hoàn thiện, chị H cũng gửi tiền về làm nhà Nng qua chị gái và anh có nhận 700 triệu đồng, chị H trình bày trong đó có 100 triệu đồng của con gái là không đúng vì anh chỉ nhận số tiền qua chị gái chị H là chị Đinh Thị Lý. Chị H đề nghị chia đôi đất và phần tài sản trên đất là nhà 3 tầng giao cho anh thì anh không đồng ý. Quan điểm của anh là anh không đồng ý chia vì đây là tài sản riêng của anh bố mẹ anh cho anh. Trường hợp phân chia đề nghị trừ lại cho anh phần đất bố mẹ cho.

Các con anh không có công sức đóng góp gì.

Thửa đất trên vợ chồng anh đã bán một phần có chiều dài mặt đường là 6m cho chị gái bà Lý Thị Thủy và anh rể là ông Đinh Công Đán, Nng chưa đi tách sổ để trả cho ông Đán, bà Thủy. Nay giữa anh và ông Đán bà Thủy không có tranh chấp gì về hợp đồng chuyển Nợng này.

2. Quyền sử dụng đất P669160 do UBND huyện Lục Ngạn cấp ngày 25/6/1999 mang tên hộ ông Lý Văn N. Địa chỉ thửa đất tại thôn Lường, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh B. Tổng diện tích là 1272m² trong đó có sổ thửa 585 tờ bản đồ số 2, ở

đồng Đầm diện tích 720m² đất trồng lúa, thửa 586 tờ bản đồ số 2 ở Đồng Đầm diện tích 384m² đất trồng lúa, thửa 587 tờ bản đồ số 2 ở Đồng Đầm, diện tích 587m² đất trồng lúa. Quan điểm của anh là không đồng ý với yêu cầu chia của chị H vì khi anh mua diện tích đất này chị H không có ở nhà. Mọi công sức tôn tạo là của anh, cây cối trên đất thì anh là người trồng.

3. Diện tích đất 288m² tại xứ Đồng Đầm, thôn Lường, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh B. Trên diện tích đất này hiện nay có 50 cây cam.

Các con anh chị không có công sức đóng góp gì đối với diện tích đất này.

4. Diện tích đất 846m² tại xứ Đồng Đầm, thôn Lường, xã Hồng Giang, Lục Ngạn, B. Trên diện tích đất này hiện nay có 170 cây cam. Các con không có công sức đóng góp gì đối với diện tích đất này.

Đối với diện tích đất 1272m² và 288m² và 846m² hiện tại nằm cùng một khuôn viên. Anh đồng ý với ý kiến của chị H về diện tích đất và tài sản trên đất.

Vì diện tích đất này đã gộp vào nhau anh không đồng ý chia hai thửa đất vườn cho chị H vì khi anh nhận chuyển Nợ thì chị H không ở nhà.

5. Diện tích đất trồng cây lâu năm 3439m² tại Cầu Thông, thôn Lường, xã Hồng Giang, Lục Ngạn; và trên đất có 500 cây bưởi đã trồng được 5 năm tuổi. Công sức của hai vợ chồng. Nguồn gốc đất này năm 1992 hai vợ chồng tự khai hoang mà có, diện tích này chưa được cấp quyền sử dụng đất (hiện nay vợ chồng anh đang làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Các con anh không có công sức đóng góp gì đối với diện tích đất này. Chị H đề nghị lấy diện tích đất này anh không đồng ý. Đối với các công sức trồng cây trên đất do anh trồng toàn bộ. Trước đây trồng vài đến năm 2012 chị H đi nước ngoài thì anh ở nhà chặt đi và trồng cam và bưởi giống cây do anh đi vay nên anh không đồng ý với yêu cầu của chị H.

Các con anh không có công sức đóng góp gì đối với các tài sản này .

- Về công nợ: Anh xác định vợ chồng có các khoản nợ chung sau và đề nghị giải quyết:

1. Nợ Ngân hàng nông nghiệp huyện Lục Ngạn: 200.000.000đồng.
2. Nợ Công ty phân bón Thiên Ân, Hà Nội: 110.000.000đồng.
3. Nợ Đại lý Thủy Hà kế B: 190.000.000đồng
4. Nợ Đại lý phân bón (Diện) Nam Dương, Lục Ngạn: 40.000.000đồng.
5. Nợ Đại lý thuốc sâu (Huế), Lục Nam: 25.700.000đồng
6. Nợ ông Phạm Văn Dân: 50.000.000đồng.
7. Nợ ông Vi Văn Hùng: 100.000.000đồng.
8. Nợ anh Lý Văn Hoàng: 50.000.000đồng.
9. Nợ ông Trần Quang Khải: 16.320.000đồng.

Tổng số nợ là: 972.020.000đồng. Một số khoản tiền anh vay để phát triển

kinh tế gia đình, trả nợ. Một số khoản nợ của các đại lý là do anh và chị H có kinh doanh mặt hàng phân bón nên có nợ lại của các đại lý. Anh yêu cầu chị H phải cùng chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ này.

*** Tại bản tự khai và các bản khai tiếp theo bị đơn là chị Đinh Thị H trình bày:** Anh Lý Hải N xin ly hôn chị, chị đang lao động tại Đài Loan, đến ngày 15/02/2020 chị về nước và trình bày N sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn N anh N trình bày là đúng. Từ năm 2005 chị đi xuất khẩu lao động nhiều lần Nng vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau và quan tâm đến nhau. Năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đến cuối năm 2017 thì chị có bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và năm 2017 thì chị tiếp tục đi lao động tại Đài Loan, sau khi sang nước ngoài vợ chồng vẫn liên lạc điện thoại để hỏi thăm về các con với nhau Nng từ tháng 4/2018 anh N đưa người phụ nữ khác về chung sống tại nhà của vợ chồng nên chị không liên lạc với anh N nữa. Nay anh N xin ly hôn thì chị đồng ý ly hôn với anh N.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lý N Sâm, sinh năm 1993 và cháu Lý Văn Hảo, sinh năm 1996. Hiện nay các cháu đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết.

- Tài sản chung: chị đề nghị giải quyết chia các tài sản cụ thể N sau:

1. Quyền sử dụng đất số W082567 do UBND huyện Lục Ngạn cấp ngày 01/11/2002 mang tên hộ ông Lý Văn N; địa chỉ tại thôn Lường, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh B diện tích thửa đất tổng là 604m² gồm 400m² đất thổ cư và 204m² đất vườn. Trị giá đất ở là 520.000.000đ và tài sản trên đất hiện có nhà 03 tầng xây kiên cố, diện tích 80m² trị giá là 500 triệu đồng. Phía sau sổ đỏ đã dính chính thông tin tên đệm và năm sinh của ông Lý Văn N chính là ông Lý Hải N. Tài sản này do vợ chồng chị cùng tạo dựng nên trong quá trình chung sống đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp GCN QSDĐ mang tên ông Lý Văn N (đại diện cho hộ).

2. Quyền sử dụng đất P669160 do UBND huyện Lục Ngạn cấp ngày 25/6/1999 mang tên hộ ông Lý Văn N. Địa chỉ thửa đất tại thôn Lường, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh B. Tổng diện tích là 1272m² trong đó có sổ thửa 585 tờ bản đồ số 2, ở đồng Đàm diện tích 720m² đất trồng lúa, thửa 586 tờ bản đồ số 2 ở Đồng Đàm diện tích 384m² đất trồng lúa, thửa 587 tờ bản đồ số 2 ở Đồng Đàm, diện tích 587m² đất trồng lúa. Tổng giá trị là 141.192.000đ. Tài sản này do vợ chồng chị cùng tạo dựng nên trong quá trình chung sống đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp GCN QSDĐ mang tên ông Lý Văn N (đại diện cho hộ).

3. Diện tích đất 288m² tại xứ Đồng Đàm, thôn Lường, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh B có giá trị 31.968.000 đồng. Năm 2011 vợ chồng chị nhận chuyển Nợ đất này của ông Trịnh Văn Nhang, diện tích đất này chưa làm thủ tục cấp GCN

QSDĐ. Hiện tại trên đất gia đình chị đang canh tác trồng cây cam canh trong đó có tiền vốn của hai vợ chồng chị và các con.

4. Diện tích đất 846m² tại xứ Đồng Đàm, thôn Lường, xã Hồng Giang, Lục Ngạn, B, có giá trị 93.906.000 đồng. Năm 2014 vợ chồng chị nhận chuyển Nợ đất này của ông Nguyễn Văn Kiểm. Diện tích đất này chưa làm thủ tục cấp GCN QSDĐ. Hiện tại trên đất gia đình chị đang canh tác trồng cây cam canh trong đó có tiền vốn của hai vợ chồng chị và các con.

Tổng số cây trồng trên hai diện tích đất 288m² và 846m² nhận chuyển Nợ trên là 220 cây cam canh đã trồng được 04 năm (Vợ chồng chị đã gộp hai thửa vào thành một để trồng cam). Giá cây trồng 200.000 đồng/ cây, tổng số 220 cây cam x 200.000 đồng/cây = 44.000.000đ

5. Diện tích đất 3439m² tại Cầu Thông, thôn Lường, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn có giá trị giá đất 45.000 đồng/m². Tổng trị giá 3439m² x 45.000đồng/m² = 154.755.000 đồng và tài sản trên đất có 500 cây bưởi diên trồng được 5 năm có giá 200.000đ/ cây = 100.000.000 đồng. Diện tích đất này do vợ chồng chị cùng khai hoang từ khoảng năm 1991 khi mới về chung sống với nhau.

Hiện tại, vợ chồng chị đang làm thủ tục cấp GCNQSDĐ với diện tích đất này nên chưa cung cấp được giấy tờ kèm theo.

Do chị và anh N không thể thỏa thuận, không tìm được tiếng nói chung trong việc chia số tài sản chung nên chị đề nghị Tòa án khi giải quyết ly hôn chia cho chị số tài sản sau:

- Thứ nhất: chia cho chị 320m² đất trong tổng số 400m² đất thổ cư đã làm nhà 80m² trong Quyền sử dụng đất số W082567 do UBND huyện Lục Ngạn cấp ngày 01/11/2002 mang tên hộ ông Lý Văn N; địa chỉ tại thôn Lường, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh B. Trị giá phần đất yêu cầu chia 320m² x 1.300.000đ/m² = 416.000.000đồng.

- Thứ hai, chia cho chị toàn bộ diện tích 1272 đất vườn trong quyền sử dụng đất số P669160 do UBND huyện Lục Ngạn cấp ngày 25/6/1999 mang tên hộ ông Lý Văn N. Địa chỉ thửa đất tại thôn Lường, xã Hồng Giang, Lục Ngạn, tỉnh B. Trị giá phần đất yêu cầu chia này là 1272m² x 111.000 đồng/m² = 141.192.000đồng.

- Thứ ba, chia cho chị diện tích đất 3439 m² tại cầu Thông, thôn Lường. Hồng Giang giá đất 45.000đ/m². Tổng trị giá 3439m² x 45.000 đồng + 154.755.000đồng. Trên đất này có 500 cây bưởi đã trồng được 5 năm. Giá cây bưởi diên 200.000đ/ cây = 100.000.000đ.

Những tài sản khác do anh Lý Hải N quản lý sử dụng. Chị muốn được chia đất và tài sản trên đất ở trên, không quy đổi ra tiền để nhận.

Việc vợ chồng chị có bán một phần đất cho ông Đán bà Thủy đề nghị trả lại ông Đán, bà Thủy. Chị không có ý kiến gì.

- Về công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lý Thị Sâm trình bày:**

Bố chị là ông Lý Hải N đã có đơn đề nghị giải quyết ly hôn với mẹ chị là bà Đinh Thị H Nng không đề nghị phân chia tài sản cho chị. Vậy chị đề nghị khi giải quyết ly hôn cho bố mẹ chị thì xem xét và phân chia tài sản cho chị. Chị cũng đóng góp công sức lao động cùng gia đình.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lý Văn Hảo trình bày:**

Đề nghị khi giải quyết ly hôn cho bố mẹ anh thì xem xét và phân chia tài sản cho anh và đất ở vì anh đã có gia đình riêng và 01 con nhỏ.

Các đơn đề nghị của chị Lý Thị Sâm và Lý Văn Hảo đề ngày 14/02/2020 do chị Đinh Thị H giao nộp cho Tòa án. Chị Sâm và anh Hảo hiện đang lao động tại Đài Loan do chị H có đơn đề nghị chia tài sản nên Sâm và anh Hảo có đơn nộp đề nghị chia công sức, đơn này do chị H cầm từ Đài Loan về ngày 15/02/2020 lý do là chị H nghỉ phép về Việt Nam giải quyết ly hôn với anh Lý Hải N. Do các con chị cùng lao động tại Đài Loan nên các con chị nhờ chị nộp cho Tòa án.

Ngày 02/4/2021 chị Sâm, anh Hảo có văn bản gửi từ nước ngoài về và xác định tài sản là của bố mẹ, để bố mẹ tự giải quyết, anh chị không có yêu cầu gì. Đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Văn Nhang trình bày:** Gia đình ông có thửa đất thuộc xứ đồng Đàm với diện tích là 288m² do không có nhu cầu canh tác nên đã chuyển Nợng quyền sử dụng đất này cho chị Đinh Thị H là người cùng thôn kể từ ngày 20/10/2014. Gia đình ông đã thống nhất viết giấy chuyển Nợng, ông không có ý kiến gì đối với thửa đất mà ông đã bán cho chị H. Ông xin được vắng mặt các buổi Tòa án làm việc công khai chứng cứ hòa giải và tại các phiên tòa.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Kiềm, bà Trịnh Thị Hoa trình bày:** Gia đình ông, bà có thửa đất thuộc xứ đồng Đàm với diện tích là 846m² do không có nhu cầu canh tác nên gia đình ông, bà đã chuyển Nợng quyền sử dụng đất lâu dài thửa đất này cho gia đình anh Lý Hải N và chị Đinh Thị H là người cùng thôn kể từ ngày 27/5/2014. Gia đình ông, bà đã thống nhất viết giấy chuyển Nợng thửa đất này ông, bà không có ý kiến gì đối với việc đã bán đất cho gia đình anh N, chị H. Ông, bà xin vắng mặt các buổi tòa án làm việc công khai chứng cứ hòa giải và tại các phiên tòa.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Công Đán; Bà Lý Thị Thủy, Anh Đinh Thanh Tuấn, Chị Đinh Thị Liên (bà Thủy, anh Tuấn, chị Liên**

ủy quyền cho ông Đinh Công Đán) thống nhất trình bày: Năm 1996 gia đình ông Đán có mua của vợ chồng anh Lý Hải N, chị Đinh Thị H một thửa đất liền kề nhà anh N để làm nhà ở cho gia đình (diện tích có giấy mua bán chuyển Nợng kèm theo được chính quyền thôn Lường xác nhận ngày 05/9/1996) có ghi rõ 04 phía của thửa đất, gia đình ông, bà đã xây dựng nhà ở lên trên đất này. Theo giấy thỏa thuận mua bán ngày 04/9/1996 chiều dài mặt đường là 6 mét, phía nam giáp gia đình ông Hiền, phía đông giáp ruộng thôn trong, phía bắc giáp đất anh N, phía tây giáp đường 13B, gia đình ông mua lại của anh N theo giấy người bán với số tiền là 9.350.000đ hai bên thỏa thuận và được chính quyền thôn công nhận. Ngày 06/9/2011 anh N có mua đất của làng trong phía sau nhà để cho vuông đất nhà anh N có diện tích là 11.7m² lấn sang phía sau nhà ông. Vậy đề nghị Tòa án xem xét thực tế hiện trạng giúp gia đình ông được chuyển toàn bộ diện tích đất trên từ diện tích sổ đỏ nhà anh Lý Hải N sang cho hộ gia đình ông.

*** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:**

- Ông Trịnh Bá Diện trình bày:

Từ ngày 05/02/2017 (âm lịch) đến ngày 22/6/2017 (âm lịch) ông bán hàng cho anh N với tổng số tiền là 91.030.000đ. Khi ông bán phân bón cho gia đình anh N chị H thì ông bán cho cả hai vợ chồng anh N chị H, khi đó chị H chưa đi nước ngoài. Đến ngày 11/8/2017 thì ông và anh N tính toán lại sổ sách và chốt nợ là 76.655.000đ. Sau đó anh N cũng trả được một số lần, Nng không trả hết, lần cuối là ngày 15/02/2020. Nay ông đề nghị Tòa án buộc anh N trả cho ông số tiền còn thiếu là 36.655.000đ và tính lãi xuất 0.85%/ năm. Vậy số tiền lãi của số nợ gốc còn thiếu từ ngày 15/02/2020 đến 30/11/2020 là: 9 tháng là $0,85\% \times 36.655.000đ = 2.800.000đ$. Tổng số tiền gia đình anh N còn nợ ông là 39.455.000đ. Ông không yêu cầu tính lãi nữa.

- Ông Trần Quang Khải trình bày:

Ngày 09/6/2017 ông có bán cho anh Lý Hải N và chị Đinh Thị H phân bón để chăm sóc cây trồng. Khi đó chị H vẫn ở nhà và chưa đi lao động tại nước ngoài. Số tiền ông bán phân bón cho anh N, chị H có giá trị là 21.105.000đ. Ngày 23/6/2017 thì chị H có trả ông 9.000.000 đồng, số tiền còn lại anh N chị H nợ ông là 12.105.000đ. Số tiền lãi tính từ tháng 7/2017 đến tháng 11/2020 là 41 tháng, lãi xuất 0.85% = 4.216.000đ. Tổng số tiền anh chị N H nợ ông là: 16.320.000đ. Nay ông yêu cầu cả vợ chồng anh N và chị H phải trả cho ông số tiền trên. Ông không đề nghị tính lãi tiếp.

*** Anh Nguyễn Văn Thủy (Đại lý phân bón Thủy Hà) trình bày:**

Đại lý phân bón Thủy Hà cho anh Lý Hải N lấy hàng phân bón từ tháng 12/2017 đến tháng 02/2020. Số tiền anh N còn nợ đại lý Hà Thủy tính đến ngày

04/11/2020 gốc là 199.525.000đ, số tiền lãi của số nợ gốc là 35.600.000đ (lãi suất 2%). Anh đã đến nhà anh N đòi nợ tiền hàng thì anh N khát nợ đến 30/6/2020 (âm lịch) trả anh, Nng sau đó lại không trả. Do anh đến nhà đòi nhiều lần thì, anh N thỏa thuận với anh là cho anh N nợ và tính lãi theo lãi xuất ngân hàng từ tháng 01/2020 đến tháng 9/2020, sau đó ông và anh N đã chốt nợ còn lại là 190.000.000đồng. Nay anh Lý Hải N và chị Đinh Thị H giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân tỉnh B thì anh yêu cầu anh N phải trả cho anh số tiền 190.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi nữa.

*** Anh Nguyễn Hữu Huế trình bày:** Tính tại thời điểm hiện nay anh N còn nợ Đại lý của anh số tiền 25.700.000đ. Anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh không đề nghị tính lãi nữa.

*** Anh Phạm Văn Dân trình bày:** Năm 2019 anh có cho anh N vay số tiền 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng), khi vay anh N nói vay mục đích để trả nợ tiền phân bón chăm sóc cây cối của vợ chồng anh N, không thỏa thuận lãi suất. Do anh là anh rể của anh N và là anh em trong gia đình nên không viết giấy tờ vay mượn gì.

Nay anh N và chị H ly hôn, anh N có kê ra khoản nợ của anh, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này và buộc cả vợ chồng anh N, chị H phải trả cho anh số tiền 50.000.000đồng trên. Không yêu cầu anh N, chị H phải trả lãi suất. Số tiền anh cho anh N vay là tiền của cá nhân anh, không liên quan gì đến vợ anh.

*** Anh Vi Văn Hùng trình bày:** Ngày 03/10/2020 anh có cho anh N vay số tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng), anh N vay với mục đích để đầu tư chăm bón vườn cây ăn quả, không thỏa thuận lãi suất. Khi anh N vay tiền thì chị H đang đi lao động nước ngoài, không có nhà. Anh N vay tiền anh thì anh N và anh không thông báo gì cho chị H biết vì trước đó anh N cũng vay anh nhiều lần, sau đó anh N lại trả ngay. Nay anh N và chị H ly hôn, anh N có kê ra khoản nợ của anh, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này và buộc cả vợ chồng anh N, chị H phải trả cho anh số tiền 100.000.000đồng trên. Không yêu cầu anh N, chị H phải trả lãi suất. Số tiền anh cho anh N vay là tiền của cá nhân anh, không liên quan gì đến vợ anh.

*** Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam là ông Nguyễn Trường Giang trình bày:** Ông Lý Hải N có vay Agribank chi nhánh huyện Lục Ngạn B II số tiền 200.000.000đ theo HĐTD số 2504LAV20170818 ngày 01/3/2017 đến hạn ngày 17/4/2021. Agribank chi nhánh huyện Lục Ngạn B II đề nghị Tòa án khi giải quyết vụ án yêu cầu buộc ông N và bà H phải trả nợ ngân hàng, phân chia tài sản và nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay còn nợ gốc là 200.000.000 đồng, nợ lãi là 832.877 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày

16/10/2020 đến khi thi hành án dân sự xong. Trong trường hợp các bên không tự thỏa thuận được việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngân hàng đề nghị Tòa án xác định nghĩa vụ chung của vợ chồng nên phải xử lý tài sản thế chấp để phân chia thì Tòa án xác định phần nghĩa vụ trả nợ ngân hàng để thu hồi nợ cho ngân hàng theo quy định của pháp luật.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần sản xuất thương mại Thiên Ân trình bày:** Năm 2017 Công ty cổ phần sản xuất Thương Mại Thiên Ân có ký hợp đồng mua bán các loại phân bón với anh Lý Hải N. Tính đến ngày 28/01/2019, anh N còn nợ của Công ty Thiên Ân số tiền là 268.021.000đồng tiền phân bón. Ngoài ra, ông N còn nợ khoản tiền 11.000.000đồng theo biên bản đối chiếu xác nhận công nợ ngày 28/01/2019. Tổng số tiền 279.021.000đồng.

Tòa án đã có Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí Nng Công ty cổ phần sản xuất thương mại Thiên Ân có văn bản rút yêu cầu khởi kiện. Xác định giữa Công ty và anh N sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không nộp tiền tạm ứng án phí. Anh N cũng xác định số tiền nợ với Công ty, anh và Công ty Thiên Ân sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại Lý thuốc trừ sâu Hương Thịnh:** Tòa án đã triệu tập nhiều lần lên làm việc Nng đương sự không có quan điểm về việc giải quyết vụ án. Anh N cũng không yêu cầu giải quyết trong vụ án nữa.

*** Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh B do ông Mai Văn Dương-Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện Lục Ngạn đại diện theo ủy quyền trình bày:**

1. Trong quá trình giải quyết vụ án đương sự cung cấp GCN quyền sử dụng đất số W082567 do UBND huyện Lục Ngạn cấp ngày 01/11/2002 mang tên ông Lý Văn N. Diện tích 604m² (trong đó gồm 400m² đất thổ cư và 204m² đất vườn). Thực tế, đo đạc hiện trạng ngày 26/8/2020 của TAND tỉnh B thửa đất này có tổng diện tích là 417m².

Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W082567 cho ông Lý Văn N của UBND huyện Lục Ngạn được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 1442/1999/TTLT-TCĐC-BTC ngày 21/9/1999 của Tổng cục Địa chính – Bộ Tài chính hướng dẫn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Chỉ thị số 18/1999/CT-TTg ngày 01/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất chưa được cấp GCN QSD đất thì tự kê khai QSDĐ và tự chịu trách nhiệm về diện tích đất của mình đang sử dụng. Do đó, có một số trường hợp các chủ sử dụng đất chỉ ước lượng độ dài, rộng của thửa đất mình đang sử dụng, chứ không đo đạc thực tế dẫn tới có sự sai lệch về hình thể và diện tích.

Thửa đất của ông Lý Văn N (Lý Hải N) là một trong những trường hợp N vậy.

2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P669160 do UBND huyện Lục Ngạn cấp cho hộ ông Lý Văn N tại Quyết định số 257/QĐ-UB ngày 25/6/1999 có diện tích là 1272m², đã được cấp đổi theo kết quả đo đạc bản đồ địa chính (thửa số 44, tờ bản đồ số 9) tại Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 02/4/2019 với diện tích là 2403,9m², số vào sổ cấp GCN CH03108, số Seri CR 813339. Hiện tại GCN QSD đất số P669160 ông Lý Văn N đang thế chấp tại Ngân hàng, chưa lấy về để làm thủ tục đổi GCN QSDĐ mới (GCN số CR 813339).

Thửa đất trên (thửa số 44, tờ bản đồ số 9) nằm trong quy hoạch đất có mặt nước chuyên dùng (MNC) theo Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Chũ, tỉnh B đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 (tỉ lệ 1/10.000); thửa đất hiện tại do ông N đang sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai. Quan điểm của UBND huyện Lục Ngạn đối với việc đương sự đề nghị phân chia thửa đất này: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Tại diện tích đất trồng cây lâu năm 3439m² tại Cầu Thông, thôn Lường. Theo kết quả đo đạc bản đồ địa chính xã Hồng Giang thì thửa đất hiện tại ông N đang sử dụng là thửa số 269, tờ 5 có diện tích là 5439,1m². Thực tế đo đạc hiện trạng của Tòa án ngày 26/8/2020 là 4919,6m² (cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn không có tài liệu xác định thửa đất có diện tích là 3439m²). Thửa đất này có nguồn gốc do ông N tự khai phá từ năm 1992. Đối chiếu quy hoạch sử dụng đất của huyện Lục Ngạn đến năm 2020 thì thửa đất số 269, tờ bản đồ số 5, xã Hồng Giang nằm trong quy hoạch đất ở tại nông thôn. Hiện tại ông N đang sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai. Quan điểm của UBND huyện Lục Ngạn đối với việc đương sự đề nghị phân chia thửa đất này: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** UBND xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn có quan điểm trình bày:**

- Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W082567 do UBND huyện Lục Ngạn cấp ngày 01/11/2002 mang tên ông Lý Văn N. Diện tích 604m² (trong đó gồm 400m² đất thổ cư và 204m² đất vườn). Quan điểm của UBND xã Hồng Giang: Xác định diện tích theo hiện trạng sử dụng đất.

- Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P669160 do UBND huyện Lục Ngạn cấp cho hộ ông Lý Văn N tại Quyết định số 257/QĐ-UB ngày 25/6/1999 có diện tích là 1272m², đã được cấp đổi theo kết quả đo đạc bản đồ địa chính (thửa số 44, tờ bản đồ số 9) tại Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 02/4/2019 với diện tích là 2403,9m², số vào sổ cấp GCN CH03108, số Seri CR 813339. Hiện tại GCN QSD đất số P669160 ông Lý Văn N đang thế chấp tại Ngân hàng, chưa lấy về để

làm thủ tục đổi GCN QSDĐ mới (GCN số CR 813339). Quan điểm của UBND xã Hồng Giang đối với việc đương sự đề nghị phân chia thửa đất này: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đối với diện tích đất trồng cây lâu năm tại khu Cầu Thông, thôn Lường: Theo kết quả đo đạc bản đồ địa chính xã Hồng Giang thì thửa đất hiện tại ông N đang sử dụng là thửa số 269, tờ 5 có diện tích là 5439,1m². Thực tế đo đạc hiện trạng của Tòa án ngày 26/8/2020 là 4919,6m². Quan điểm của UBND xã Hồng Giang đối với việc đương sự đề nghị phân chia thửa đất này: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/8/2020, Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Kết quả N sau:

*Quyền sử dụng đất số W082567 do UBND huyện Lục Ngạn cấp ngày 01/11/2002 mang tên ông Lý Văn N. Trên phần đất này theo nguyên đơn trình bày đã chuyển Nợng một phần cho ông cho ông Đán, bà Thủy trên đất có các tài sản:

- 01 nhà 03 tầng cấp 3 loại 2 xây năm 2011 có giá: 517.651.000đ
- 01 nhà bán mái lợp tôn xây năm 2011 có giá: 1.273.000đ
- 01 nhà cấp 4 loại 2 xây năm 2012 có giá: 161.562đ.
- 01 nhà bán mái lợp tôn xây năm 2012 có giá: 2.087.000đ
- Nhà cấp 4 loại 2 xây năm 1994 của hộ ông Đán, bà Thủy đã khấu hao có giá: 14.000.000đ.

Giá đất ở là 7.000.000đồng/1m²

*Quyền sử dụng đất P669160 do UBND huyện Lục Ngạn cấp ngày 25/6/1999 mang tên hộ ông Lý Văn N, tổng diện tích là 1272m² trong đó có số thửa 585 tờ bản đồ số 2, ở Đồng Đàm diện tích 720m² đất trồng lúa, thửa 586 tờ bản đồ số 2 ở Đồng Đàm diện tích 384m² đất trồng lúa, thửa 587 tờ bản đồ số 2 ở Đồng Đàm, diện tích 587m² đất trồng lúa. Địa chỉ hai thửa đất trên đều ở thôn Lường, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh B. Diện tích đất nông nghiệp 288m² và 846m² tại xứ Đồng Đàm, thôn Lường, xã Hồng Giang, Lục Ngạn, B sau khi hợp thửa theo bản đồ địa chính địa phương cung cấp có diện tích là 2403.9m², trên đất có các tài sản:

- + 600 cây cam đường kính tán 2-2.5m có giá: 864.000.000đ
- + 30 cây bưởi đường kính gốc 7-9cm có giá: 53.250.000đ
- * Diện tích đất trồng cây lâu năm 3439m² tại Cầu Thông, thôn Lường, xã Hồng Giang, Lục Ngạn trên đất có các tài sản:
 - + 700 cây cam đường kính tán 2.5-3m có giá: 1.260.000.000đ
 - + 280 cây bưởi đường kính gốc 9-12 cm có giá: 648.200.000đ
 - Về đất ở có giá: 7.000.000đ/m²

- Về đất trồng cây lâu năm có giá: 220.000đ/m²

Ngoài ra các đương sự không đề nghị hội đồng thẩm định, định giá tài sản nào khác.

Sau khi có kết quả đo vẽ cụ thể diện tích đất và sơ đồ thửa đất, anh N, ông Nam và đại diện theo ủy quyền về vấn đề tài sản của chị H đề nghị giải quyết theo hiện trạng, không có ý kiến gì về kết quả thẩm định đo vẽ và định giá.

Tòa án đã hòa giải nhiều lần Nng các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án. Hiện nay, chị H vẫn ở Đà Loan và có ủy quyền cho anh trai là anh Đình Văn Nam nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo lại cho chị H.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh N không rút đơn khởi kiện các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

* Nguyên đơn anh Lý Hải N trình bày: Anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị H, về con chung không đề nghị giải quyết. Về tài sản chung anh không đồng ý chia vì toàn bộ thửa đất ở là của bố mẹ anh cho riêng anh, các thửa đất vườn đều do anh mua trong thời gian chị H đi nước ngoài, một mình anh chăm sóc vườn thì mới có thu hoạch và giá trị N hiện nay, do chăm sóc vườn cây vất vả, độc hại anh đã bị mắc rất nhiều bệnh, hiện nay anh bị hoại tử đùi hai bên, giai đoạn III. Anh chỉ đồng ý trích chia công sức cho chị H số tiền 700.000.000 đồng là tiền chị H gửi về thêm vào xây nhà. Anh đề nghị giải quyết các khoản nợ theo quy định của pháp luật. Thửa đất ở đồng ý cho chị H 1/3 giá trị thửa đất, chia cho chị H giá trị thửa đất vườn, không đồng ý chia tài sản trên đất.

Bị đơn chị H vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện theo ủy quyền về vấn đề tài sản chị H là ông Nam, bà Lý trình bày: Không nhất trí với trình bày của anh N về vấn đề tài sản, đề nghị chia tài sản chung và công nợ theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án giao cho chị H thửa đất tại Cầu Thông và tài sản trên đất tại thửa đất đó và các bên phải trả tiền chênh lệch cho nhau đối với khoản nợ ngân hàng, ông Dân, ông Hùng và đại lý phân bón Hà Thủy là tiền của cá nhân anh N vay, không liên quan gì đến chị H. Còn các khoản nợ còn lại, chị H xác định là nợ chung. Đề nghị Hội đồng xét xử định giá lại tài sản tranh chấp vì lần định giá trước đã quá 01 năm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Đình Công Đán trình bày: Năm 1996 gia đình ông có mua của vợ chồng anh N, chị H một miếng đất liền kề nhà anh N để làm nhà ở cho gia đình, diện tích 6m mặt đường. Gia đình ông đã xây dựng nhà ở lên trên đất này, nay ông mong muốn là được chuyển số diện tích hiện tại từ sổ đỏ nhà anh N chị H sang cho gia đình ông được quyền sử dụng. Giữa gia đình ông và anh chị H N không có tranh chấp gì về hợp đồng chuyển Nợ.

* Ông Diện trình bày: yêu cầu chị H, anh N phải trả cho ông số tiền 39.455.000đồng.

* Anh Dân trình bày: Yêu cầu buộc anh anh N, chị H phải trả cho anh số tiền 50.000.000đồng.

* Anh Thủy trình bày: Yêu cầu buộc anh anh N, chị H phải trả cho anh số tiền 190.000.000đồng.

* Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đề nghị xét xử vắng mặt và có gửi bản tính lãi đến ngày 27/9/2021.

Sau khi kết thúc phần hỏi, Hội đồng xét xử đã ngừng phiên tòa để tiến hành thẩm định, định giá lại theo yêu cầu của đương sự, ngày 17/9/2021 Hội đồng định giá đã tiến hành định giá lại đối với thửa đất ở và thẩm định, định giá lại đối với toàn bộ tài sản trên đất của hai thửa đất vườn. Kết quả thẩm định, định giá lại N sau:

- Thửa đất diện tích 2403.9m² tại xứ Đồng Đàm, thôn Lường, xã Hồng Giang có 590 cây cam, 27 cây bưởi; Tại thửa đất trồng cây lâu năm có diện tích 4.919,6m² tại Cầu Thông, thôn Lường, xã Hồng Giang có 276 cây bưởi đường kính gốc 9-12 cm, 624 cây cam đường kính tán 2,5-3cm.

- Quyền sử dụng đất số W082567 do UBND huyện Lục Ngạn cấp ngày 01/11/2021 mang tên ông Lý Hải N. Diện tích còn lại theo hiện trạng là 217m², đất ở có giá 8.000.000đồng/m².

Sau khi có kết quả định giá lại các đương sự không có ý kiến gì về kết quả thẩm định, định giá.

Chị Lý, anh Nam và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H trình bày bổ sung: Quá trình chị H đi nước ngoài thì đại lý phân bón vẫn hoạt động vì thời điểm đó các con đng ở cùng ông N. Chị H vẫn gửi tiền về nuôi các cháu. Chị đề nghị chia đôi thửa đất ở bằng hiện vật và xin nhận thửa đất vườn, tài sản trên đất tại Cầu Thông, đề nghị trích chia phần chênh lệch nêu có. Chị H chỉ xác nhận khoản nợ chung của ông Diện, ông Khải, anh Huế, còn các khoản nợ khác là số nợ của ông Thủy 190.000.000đồng, của Ngân hàng, của ông Hùng, ông Dân thì chị H không đồng ý là nợ chung vì anh N vay nợ chị H không biết. Đề nghị Hội đồng xét xử ngừng phiên tòa đều đo vẽ lại đối với thửa đất ở theo hướng chia đôi.

Anh N vẫn giữ nguyên quan điểm N đã trình bày, không đồng ý với yêu cầu của phía bị đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn, người

có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 33; Điều 37; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 59; Điều 60; Điều 62; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 163; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự. Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội giải quyết: Cho anh Lý Hải N được ly hôn chị Đinh Thị H.

Tài sản chung: xác định tài sản chung của anh N chị H trong thời kỳ hôn nhân bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất số W082567 do Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn cấp ngày 01/11/2002 và toàn bộ tài sản trên đất diện tích 271,4m²

+ Diện tích đất trồng cây lâu năm 2403.9m² tại Đồng Đàm, thôn Lường, xã Hồng Giang trên đất có các tài sản: 590 cây cam đường kính tán 2-2.5m và 27 cây bưởi.

+ Diện tích đất trồng cây lâu năm 4919,6m² tại Cầu Thông, thôn Lường, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, trên đất có các tài sản: 624 cây cam đường kính tán 1,5-3m; 276 cây bưởi đường kính gốc 9-12 cm.

Là các tài sản chung của anh N và chị H trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên, khi giải quyết cần xem xét công sức của anh N trong việc duy trì phát triển khối tài sản chung, công sức anh N trồng và chăm sóc cây, nguồn gốc thửa đất ở là do bố mẹ anh N để lại để chia cho anh N nhiều hơn chị H.

Giao cho anh N được quản lý, sử dụng sở hữu các tài sản chung là:

+ Quyền sử dụng đất số W082567 do Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn cấp ngày 01/11/2002 diện tích còn lại theo hiện trạng là 271,4m² và toàn bộ tài sản trên đất.

+ Diện tích đất trồng cây lâu năm tại Đồng Đàm thôn Lường, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn sau khi hợp thửa có diện tích là 2403.9m² trên đất có các tài sản: 590 cây cam đường kính tán 2-2.5m và 27 cây bưởi đường kính gốc 7-9 cm.

Giao cho chị H được quản lý, sử dụng sở hữu các tài sản chung là: Diện tích đất trồng cây lâu năm 4919,6m² tại Cầu Thông, thôn Lường, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, trên đất có các tài sản: 624 cây cam đường kính tán 1,5-3m; 276 cây bưởi đường kính gốc 9-12 cm.

Công nợ buộc anh N phải trả hết các khoản nợ chung, riêng trong thời kỳ hôn nhân Nng buộc chị H phải trích trả cho anh N số tiền chênh lệch là 144.730.000đồng

Về án phí: căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc anh N , chị H phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Lý Hải N là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn đối với chị Đinh Thị H. Bị đơn chị Đinh Thị H là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại Địa chỉ: thôn Lường, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh B. Hiện nay đang ở Đài Loan. Chị H có yêu cầu chia tài sản khi ly hôn. Căn cứ công văn số: 18933/QLXNC-P5 ngày 20/11/2019 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì chị Đinh Thị H đã xuất nhập cảnh 11 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 22/01/2018, hiện chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Hảo, chị Sâm cũng đang ở nước ngoài. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: Về quan hệ pháp luật đây là vụ án “Ly hôn và chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là chị H vắng mặt Nng đã ủy quyền cho anh Nam, chị Lý giải quyết về vấn đề tài sản; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lý Văn Hảo, chị Lý Thị Sâm đã được tòa án triệu tập hợp lệ Nng có đơn xin xét xử vắng mặt, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn, Ủy ban nhân dân xã Hồng Giang và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt Nng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, Điều 227 và khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. Anh Lý Hải N kết hôn với chị Đinh Thị H trên cơ sở có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày ngày 20/10/1991 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh B được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Từ năm 2005 chị H đã đi xuất khẩu lao động. Đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, năm 2017 thì chị H có bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở một thời gian và cuối năm 2017 thì chị H tiếp tục đi lao động tại Đài Loan, sau khi đi vợ chồng vẫn liên lạc điện thoại để hỏi thăm con với nhau Nng từ tháng 4/2018 anh chị không liên lạc với nhau nữa. Nay xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được anh Lý Hải N đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đinh Thị H.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: Anh Lý Hải N trình bày vợ chồng có đăng ký kết hôn Nng đã làm mất giấy đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, chị H xuất trình bản sao có chứng thực giấy chứng nhận kết hôn giữa anh N và chị hai bên đăng ký kết hôn ngày 07/01/2003, cả anh N và chị H đều xác nhận vợ chồng kết hôn có đăng ký kết hôn. Do vậy xác định quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị H là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Hiện anh Lý Hải N và chị Đinh Thị H mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Anh N xin ly hôn chị H cũng đồng ý. N vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Lý Hải N và chị Đinh Thị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Lý Hải N được ly hôn chị Đinh Thị H.

[4]. Về con chung: Anh Lý Hải N và chị Đinh Thị H có 02 con chung, hiện nay các con chung đã trưởng thành anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng công khai, sự thừa nhận của các đương sự là anh N và chị H, HĐXX xét thấy: Trong thời kỳ hôn nhân, anh N và chị H có những tài sản chung còn tồn tại đến nay N sau:

+ Quyền sử dụng đất số W082567 do Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn cấp ngày 01/11/2002 mang tên hộ ông Lý Văn N (được đính chính là Lý Hải N tại trang 4), diện tích 604m² (trong đó gồm 400m² đất thổ cư và 204m² đất vườn). Thực tế đo đạc hiện trạng ngày 26/8/2020 có tổng diện tích là 417m² (bao gồm cả diện tích đất của ông Đán, bà Thủy). Nng trừ đi phần diện tích 81.8m² đất đã

chuyển Nợng cho ông Đán, bà Thủy và 63,8m² đất hộ bà Thủy mua thêm đất nông nghiệp thì thừa đất còn lại là 271,4m². Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn đã có quan điểm tại thời điểm cấp giấy chứng nhận thừa đất này thì các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì tự kê khai quyền sử dụng đất và tự chịu trách nhiệm về diện tích đất của mình đang sử dụng. Do đó, có một số trường hợp các chủ sử dụng đất chỉ ước lượng độ dài, rộng của thửa đất mình đang sử dụng, chứ không đo đạc thực tế dẫn tới có sự sai lệch về hình thể và diện tích, thửa đất của anh Lý Văn N (Lý Hải N) là một trong những trường hợp N vậy. Anh N, chị H cũng đề nghị giải quyết theo hiện trạng đo đạc thực tế. Do vậy, Hội đồng xét xử giải quyết theo hiện trạng thửa đất hiện tại đang sử dụng.

Anh N trình bày thửa đất này là của bố mẹ anh để lại cho riêng anh, Nng căn cứ vào các tài liệu thu thập được, bố mẹ anh cho một phần, một phần nhận chuyển Nợng lại. Mặt khác, thửa đất này anh N đã tự nguyện nhập vào tài sản chung vợ chồng thể hiện ở việc tự kê khai và được cấp giấy hộ ông Lý Hải N. Sau đó anh N, chị H dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này để làm thủ tục vay Ngân hàng để phát triển kinh tế gia đình. Do vậy, anh N trình bày toàn bộ đất là tài sản riêng của anh là không có căn cứ. Tại phiên tòa anh đồng ý chỉ chia cho chị H 1/3 giá trị thửa đất và tài sản trên thửa đất ở.

Toàn bộ diện tích đất này hiện nay anh N chị H đã sử dụng làm đất ở và xây dựng ki ốt bán hàng nên giá trị thửa đất được tính N sau: 271,4m² x 8.000.000đồng = 2.171.200.000đồng.

Tài sản trên đất bao gồm: 01 nhà 03 tầng cấp 3 loại 2 xây năm 2011 có giá: 517.651.000đ; 01 nhà bán mái lợp tôn xây năm 2011 có giá: 1.273.000đ; 01 nhà cấp 4 loại 2 xây năm 2012 có giá: 161.562đ; 01 nhà bán mái lợp tôn xây năm 2012 có giá: 2.087.000đ.

Tổng giá trị tài sản trên đất là: 521.172.562đồng. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 2.692.372.562đồng.

+ Quyền sử dụng đất số P669160 do UBND huyện Lục Ngạn cấp ngày 25/6/1999 mang tên ông Lý Văn N (đính chính trang 4 Lý Hải N), tổng diện tích là 1272m² trong đó có số thửa 585 tờ bản đồ số 2, ở Đồng Đàm diện tích 720m² đất trồng lúa, thửa 587 tờ bản đồ số 2 ở Đồng Đàm diện tích 587m² đất trồng lúa. Địa chỉ hai thửa đất đều ở thôn Lường, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh B. Diện tích đất nông nghiệp 228m² và 846m² sau khi hợp thửa theo bản đồ địa chính địa phương cung cấp có diện tích là 2403.9m², thực tế đo đạc hiện trạng ngày 26/8/2020 có diện tích là 2403.9m². Nguồn gốc thửa đất được xác định là do anh N chị H nhận chuyển Nợng lại.

Giá trị thửa đất: $2403.9\text{m}^2 \times 220.000\text{đồng}/1\text{m}^2 = 528.858.000\text{đồng}$.

Các tài sản trên đất: 590 cây cam đường kính tán 2-2.5m $\times 1.440.000\text{đồng} = 849.600.000\text{đồng}$; 27 cây bưởi đường kính gốc 7-9cm $\times 1.775.000\text{đồng} = 47.925.000\text{đồng}$.

Tổng giá trị tài sản trên đất là: 897.525.000đồng. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là: 1.426.383.000đồng.

+ Thửa số 269, tờ bản đồ số 5 diện tích 4919,6m² đất trồng cây lâu năm tại Cầu Thông, thôn Lường, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc thửa đất được Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn xác nhận là do gia đình anh N tự khai phá từ năm 1992. Đất có giá trị là: $4919,6\text{m}^2 \times 220.000\text{đồng}/1\text{m}^2 = 1.082.312.000\text{đồng}$.

Trên đất có các tài sản: 624 cây cam đường kính tán 2,5-3m $\times 1.800.000\text{đồng} = 1.123.200.000\text{đồng}$; 276 cây bưởi đường kính gốc 9-12 cm $\times 2.350.000 = 638.940.000\text{đồng}$.

Tổng giá trị tài sản trên đất là 1.762.140.000đồng. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là: 2.844.452.000đồng.

Tổng giá trị tài sản của anh N, chị H là: 6.963.207.562 đồng. (Sáu tỷ, chín trăm sáu ba triệu, hai trăm linh bảy nghìn, năm trăm sáu hai đồng).

Anh N không đồng ý chia cho chị H mà chỉ đồng ý trích trả cho chị H số tiền 700.000.000đồng chị H đã gửi về vì cho rằng toàn bộ tài sản là của riêng anh và công sức của anh bỏ ra, chị H không có công sức đóng góp. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc hai thửa đất vườn đều được những người đã chuyển Nợng xác nhận là bán cho hai vợ chồng và nguồn gốc toàn bộ số tài sản này đều được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, anh N cho rằng là tài sản riêng Nng anh không có căn cứ chứng minh nên việc anh cho rằng toàn bộ tài sản là tài sản riêng của anh là không phù hợp.

Hai con của anh N, chị H là anh Lý Văn Hảo và chị Lý Thị Sâm có văn bản cho rằng có công sức đóng góp vào khối tài sản chung nên đề nghị chia, Nng cả anh N, chị H đều xác nhận hai thửa đất vườn các con không liên quan gì. Ngày 02/4/2021 anh Hảo, chị Sâm đã có văn bản gửi từ Đài Loan về xác nhận là tài sản của bố mẹ, không liên quan gì đến anh chị và đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, có đủ căn cứ xác định các tài sản nêu trên là tài sản chung của anh N, chị H. Tuy nhiên, khi tiến hành chia đôi với các tài sản này Hội đồng xét xử xem xét về nguồn gốc, công sức đóng góp để xem xét chia cho anh N, chị H.

Ngoài ra, các đương sự không yêu cầu chia tài sản nào khác.

[6]. Về công nợ: Anh N có yêu cầu giải quyết về nợ chung, chị H không có quan điểm về các khoản nợ này và xét yêu cầu của những người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập yêu cầu anh N, chị H phải trả nợ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[6.1]. Trong thời kỳ hôn nhân anh N, chị H có các khoản nợ chung sau: Nợ ông Trịnh Bá Diện (Đại lý phân bón Nam Dương) số tiền 39.455.000đồng; nợ ông Trần Quang Khải (Đại lý vật tư nông nghiệp tại xã Hồng Giang) số tiền 16.320.000đồng; nợ anh Nguyễn Hữu Huế (Đại lý phân bón Hữu Huế) số tiền 25.700.000đồng; nợ anh Thủy (Đại lý phân bón Hà Thủy) số tiền 190.000.000đồng; nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 200.000đồng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 27/9/2021 là 50.149.589đồng.

Đây là các khoản nợ hai vợ chồng anh N chị H, lấy hàng hóa để kinh doanh đại lý vật tư nông nghiệp, khoản nợ đối với Ngân hàng chị H đã ký vào văn bản ủy quyền ngày 01/03/2017 để anh N vay và làm các thủ tục với ngân hàng mục đích để phát triển kinh tế gia đình nên cần buộc cả anh N và chị H phải có trách nhiệm trả các khoản nợ trên. Tổng cộng, nợ chung của anh N, chị H là: 521.624.589đồng, mỗi người phải trả là 262.812.294đồng. Anh N hiện đang sinh sống tại địa phương và ký nhận nợ đối với các chủ nợ, chị H đang đi lao động ở nước ngoài nên cần giao cho anh N có trách nhiệm trả toàn bộ công nợ chung Nng buộc chị H phải trả cho anh N số tiền 262.812.294đồng anh N trả nợ chung thay cho chị H.

[6.2]. Đối với các khoản nợ: Anh N vay của anh Phạm Văn Dân số tiền 50.000.000đồng vào năm 2019 và vay của anh Vi Văn Hùng số tiền 100.000.000đồng ngày 03/10/2020, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Dân là anh rể anh N và anh Hùng là anh họ anh N, khi vay tiền chị H không biết không ký, cả anh N, anh Dân và anh Hùng đều không thông báo cho chị H biết. Mặt khác, tại thời điểm vay tiền anh N đã nộp đơn ly hôn và chị H có yêu cầu chia tài sản chung nên không có căn cứ buộc chị H phải có trách nhiệm với các khoản nợ này. Nên cần xác định đây là các khoản nợ riêng của anh N và buộc anh N phải có trách nhiệm phải trả nợ cho anh Dân và anh Hùng.

Do đó, buộc anh N phải có trách nhiệm trả nợ N sau:

- Trả ông Trịnh Bá Diện số tiền 39.455.000đồng.
- Trả ông Trần Quang Khải số tiền 16.320.000đồng.
- Trả anh Nguyễn Hữu Huế số tiền 25.700.000đồng.
- Trả anh Nguyễn Văn Thủy số tiền 190.000.000đồng.
- Trả Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 200.000đồng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (27/9/2021) là 50.149.589đồng.
- Trả anh Phạm Văn Dân số tiền 50.000.000đồng.
- Trả anh Vi Văn Hùng số tiền 100.000.000đồng.

Đối với khoản nợ của Công ty cổ phần sản xuất thương mại Thiên Ân và khoản nợ của Đại lý thuốc trừ sâu Hương Thịnh, anh N yêu cầu giải quyết Nng Công ty cổ phần sản xuất thương mại Thiên Ân không yêu cầu giải quyết và anh N cũng đồng ý để anh tự thỏa thuận với Công ty Thiên Ân và Đại lý thuốc trừ sâu Hương Thịnh đã được tổng đạt hợp lệ Nng không có ý kiến gửi cho Tòa án, anh N cũng không yêu cầu giải quyết nữa. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] . Xét yêu cầu chia tài sản chung của chị Đinh Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tổng giá trị tài sản chung của anh N, chị H là: 6.963.207.562đồng – 521.624.589đồng (công nợ chung) = 6.441.582.973đồng.

Xét tài sản chung của anh N, chị H có được là do công sức của hai vợ chồng cùng tạo lập Nng nguồn gốc một phần thửa đất ở là do bố mẹ anh N để lại và thời gian chị H đi nước ngoài từ năm 2005, đến năm 2015 chị H về nhà 01 năm rồi lại đi, anh N trồng cây cam, bưởi trên hai thửa đất vườn là năm 2013 quá trình đi lao động nước ngoài chị H có gửi về cho anh N số tiền gần 1 tỷ đồng (theo chị H trình bày, anh N thừa nhận chỉ gửi 700.000.000đồng) để làm nhà, sau đó không gửi về nữa. Do đó, xác định toàn bộ việc trồng, chăm sóc vườn cây để làm tăng giá trị tài sản chung của vợ chồng N hiện nay là do anh N đi vay mượn đầu tư và bỏ ra phần lớn công sức, nên căn cứ các Điều 33; 59; 62 của Luật hôn nhân và gia đình cần chia cho anh N phần nhiều hơn chị H. Cụ thể, anh N được chia 4.041.582.973đồng, chị H được chia 2.400.000.000đồng.

Anh N yêu cầu được nhận sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản chung và có nghĩa vụ trả nợ, trích chia giá trị chênh lệch cho chị H. Chị H đề nghị chia đôi tất cả các tài sản chung. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng anh N, chị H có 3 thửa đất: 01 thửa đất ở và 02 thửa đất vườn.

Đối với thửa đất ở hiện nay toàn bộ đất và tài sản trên đất anh N đang quản lý và sử dụng, chị H đang ở nước ngoài, nên cần tiếp tục giao cho anh N quản lý, sử dụng và giao cho anh N quản lý sử dụng, sở hữu diện tích 2403.9m² đất vườn và tài sản trên đất tại Đồng Đàm.

Đối với thửa đất tại thôn Cầu Thông do vợ chồng khai phá, chị H đề nghị được nhận thửa đất tại Đồng Đàm nên cần giao cho chị H quản lý, sử dụng là phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn sử dụng của các đương sự. Do đó, tài sản chung được chia N sau:

- Giao cho anh Lý Hải N quản lý, sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất gồm:

+ Quyền sử dụng đất số W082567 do Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn cấp ngày 01/11/2002 mang tên hộ ông Lý Văn N (được đính chính là Lý Hải N tại trang 4), diện tích đo đạc hiện trạng ngày 26/8/2020 có tổng diện tích là 417m². Nng trừ đi phần diện tích 81.8m² đất đã chuyển Nợng cho ông Đán, bà Thủy và 63,8m² đất hộ bà Lý Thị Thủy mua thêm đất nông nghiệp thì thừa đất còn lại là 271,4m² và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất là: 01 nhà 03 tầng cấp 3 loại 2 xây năm 2011; 01 nhà bán mái lợp tôn xây năm 2011; 01 nhà cấp 4 loại 2 xây năm 2012; 01 nhà bán mái lợp tôn xây năm 2012.

+ Quyền sử dụng đất số P669160 do UBND huyện Lục Ngạn cấp ngày 25/6/199 mang tên ông Lý Văn N, tổng diện tích là 1272m² trong đó có số thửa 585 tờ bản đồ số 2, ở Đồng Đàm diện tích 720m² đất trồng lúa, thửa 587 tờ bản đồ số 2 ở Đồng Đàm diện tích 587m² đất trồng lúa. Địa chỉ hai thửa đất đều ở thôn Lường, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh B. Diện tích đất nông nghiệp 228m² và 846m² sau khi hợp thửa có tổng diện tích là 2403.9m² và các tài sản trên đất gồm: 590 cây cam đường kính tán 2-2.5m; 27 cây bưởi đường kính gốc 7-9cm. Tổng giá trị tài sản anh N được nhận là: 4.118.755.562đồng. Anh N phải trả tiền chênh lệch tài sản được nhận cho chị H là 4.118.755.562đồng - 4.041.582.973đồng = 77.172.589đồng.

- Giao cho chị H quản lý, sử dụng, sở hữu thửa số 269, tờ bản đồ số 5 diện tích 4919,6m² đất trồng cây lâu năm tại Cầu Thông, thôn Lường, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất gồm: 624 cây cam đường kính tán 2,5-3m và 276 cây bưởi đường kính gốc 9-12 cm. Tổng giá trị tài sản chị H được nhận là: 2.844.452.000đồng.

Giao cho anh N phải trả toàn bộ khoản nợ chung 521.624.589đồng, vậy chị H phải trả chênh lệch số tiền nợ chung anh N phải trả là 260.812.294 đồng – 77.172.589đồng = 183.639.705đồng. Tổng chị H phải trích trả anh N số tiền là 183.639.705đồng (Một trăm tám ba triệu, sáu trăm ba chín nghìn bảy trăm linh năm đồng).

[8]. Đối với yêu cầu của ông Đán, bà Thủy về việc đề nghị Tòa án xem xét thực tế hiện trạng giúp gia đình ông được chuyển toàn bộ diện tích đất ông đã nhận chuyển Nợng của gia đình anh N và phần đất ông mua thêm từ diện tích sổ đỏ nhà anh Lý Hải N sang cho hộ gia đình ông. Hội đồng xét xử xét thấy: giữa gia đình ông Đán và anh chị H N không có tranh chấp về hợp đồng chuyển Nợng, xác nhận anh N, chị H đã chuyển Nợng cho ông Đán bà Thủy diện tích 81m², ông Đán bà Thủy đã xây dựng tài sản trên đất. Sau này, nếu có yêu cầu ông Đán, bà Thủy và anh N chị H hoàn thiện thủ tục chuyển Nợng quyền sử dụng đất thì có quyền đến

cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đã chuyển Nợng trên.

[9]. Về chi phí tố tụng: Chị H yêu cầu định giá tài sản và xem xét thẩm định tài sản để chia tài sản chung và đã nộp số tiền 17.666.000đồng, chi phí đề nghị thẩm định, định giá lại tài sản là 5.400.000đồng, yêu cầu của chị H được chấp nhận nên cần buộc anh N, chị H mỗi người phải chịu một nửa số tiền chi phí tố tụng là 11.533.000đồng và buộc anh N phải trả chị H số tiền 11.533.000đồng.đồng. Xác nhận chị H đã nộp xong số tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản.

[10]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự và Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc anh Lý Hải N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; 112.041.582 đồng án phí chia tài sản chung đối với giá trị tài sản được nhận; 13.040.614đồng án phí đối với nghĩa vụ trả nợ chung và 7.500.000đồng án phí đối với nghĩa vụ trả nợ riêng. Nng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

Buộc chị Đình Thị H phải chịu 80.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản chung được chia; 13.040.614đồng án phí đối với nghĩa vụ về nợ chung.

[11]. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 33; Điều 37; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 59; Điều 60; Điều 62; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 163; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự. Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lý Hải N được ly hôn với chị Đình Thị H.

2. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Đình Thị H. Xác nhận anh Lý Hải N và chị Đình Thị H có các tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất số W082567 do Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn cấp ngày 01/11/2002 mang tên hộ ông Lý Văn N (được đính chính là Lý Hải N tại

trang 4), diện tích đo đạc hiện trạng ngày 26/8/2020 có tổng diện tích là 417m², Nng trừ đi phần diện tích 81.8m² đất đã chuyển Nợ cho ông Đán, bà Thủy và 63,8m² đất của hộ bà Lý Thị Thủy mua thêm đất nông nghiệp, thửa đất còn lại diện tích là 271,4m². Tài sản trên đất bao gồm: 01 nhà 03 tầng cấp 3 loại 2 xây năm 2011; 01 nhà bán mái lợp tôn xây năm 2011; 01 nhà cấp 4 loại 2 xây năm 2012; 01 nhà bán mái lợp tôn xây năm 2012. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 2.692.372.562đồng.

+ Quyền sử dụng đất số P669160 do UBND huyện Lục Ngạn cấp ngày 25/6/199 mang tên ông Lý Văn N, tổng diện tích là 1272m² trong đó có số thửa 585 tờ bản đồ số 2, ở Đồng Đàm diện tích 720m² đất trồng lúa, thửa 587 tờ bản đồ số 2 ở Đồng Đàm diện tích 587m² đất trồng lúa. Địa chỉ hai thửa đất đều ở thôn Lường, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh B. Diện tích đất nông nghiệp 228m² và 846m² sau khi hợp thửa có diện tích là 2403.9m². Các tài sản trên đất bao gồm: 590cây cam đường kính tán 2-2.5m; 27 cây bưởi đường kính gốc 7-9cm. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là: 1.426.383.000đồng.

+ Thửa số 269, tờ bản đồ số 5 diện tích 4919,6m² đất trồng cây lâu năm tại Cầu Thông, thôn Lường, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có các tài sản: 624 cây cam đường kính tán 2,5-3m; 276 cây bưởi đường kính gốc 9-12 cm. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là: 2.844.452.000đồng.

Tổng giá trị tài sản chung là 6.963.207.562đồng trừ nợ chung 521.624.589đồng còn 6.441.582.973đồng.

2.1. Giao cho anh Lý Hải N quản lý, sử dụng đất và sở hữu các tài sản trên đất bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất số W082567 do Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn cấp ngày 01/11/2002 mang tên hộ ông Lý Văn N (được đính chính là Lý Hải N tại trang 4), diện tích đo đạc hiện trạng ngày 26/8/2020 có tổng diện tích là 417m², Nng trừ đi phần diện tích 81.8m² đất đã chuyển Nợ cho ông Đán, bà Thủy và 63,8m² đất của hộ bà Lý Thị Thủy mua thêm đất nông nghiệp, thửa đất còn lại diện tích là 271,4m². (Có sơ đồ thửa đất kèm theo). Giá trị thửa đất 2.171.200.000đồng. Tài sản trên đất:

- 01 nhà 03 tầng cấp 3 loại 2 xây năm 2011 có giá: 517.651.000đ
- 01 nhà bán mái lợp tôn xây năm 2011 có giá: 1.273.000đ
- 01 nhà cấp 4 loại 2 xây năm 2012 có giá: 161.562đ
- 01 nhà bán mái lợp tôn xây năm 2012 có giá: 2.087.000đ.

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 2.692.372.562đồng.

+ Quyền sử dụng đất số P669160 do UBND huyện Lục Ngạn cấp ngày 25/6/1999 mang tên ông Lý Văn N, tổng diện tích là 1272m² trong đó có số thửa 585 tờ bản đồ số 2, ở Đồng Đàm diện tích 720m² đất trồng lúa, thửa 587 tờ bản đồ

số 2 ở Đồng Đàm diện tích 587m² đất trồng lúa. Địa chỉ hai thửa đất đều ở thôn Lường, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh B. Diện tích đất nông nghiệp 228m² và 846m² sau khi hợp thửa có diện tích là 2403.9m². Giá trị thửa đất là 528.858.000đồng. (Có sơ đồ thửa đất kèm theo). Các tài sản trên đất:

- 590 cây cam đường kính tán 2-2.5m giá trị 849.600.000đồng.

- 27 cây bưởi đường kính gốc 7-9cm giá trị 47.925.000đồng.

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là: 1.426.383.000đồng.

Tổng giá trị tài sản chung anh N được nhận là 4.118.755.562đồng.

Anh N được nhận số tiền 183.639.705đồng (Một trăm tám ba triệu sáu trăm ba chín nghìn bảy trăm linh lăm đồng) chênh lệch do chị H trả.

2.2. Giao cho chị Đinh Thị H quản lý, sử dụng và sở hữu thửa đất số 269, tờ bản đồ số 5 diện tích 4919,6m² đất trồng cây lâu năm tại Cầu Thông, thôn Lường, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có giá trị là 1.082.312.000đồng. (Có sơ đồ thửa đất kèm theo). Các tài sản trên đất:

- 624 cây cam đường kính tán 2,5-3m giá trị 1.1.123.200.000đồng.

- 276 cây bưởi đường kính gốc 9-12 cm giá trị 638.940.000đồng.

Tổng giá trị tài sản chung chị H được nhận là: 2.844.452.000đồng.

2.3. Buộc chị Đinh Thị H phải có nghĩa vụ trả cho anh N số tiền là 183.639.705đồng (Một trăm tám ba triệu sáu trăm ba chín nghìn bảy trăm linh lăm đồng).

3. Anh N, chị H có quyền chủ động đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề kê khai, làm các thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất đối với các thửa đất được giao.

4. Về công nợ và thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Buộc anh Lý Hải N phải có trách nhiệm trả các khoản nợ sau:

- Trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền gốc 200.000.000đồng và tiền lãi tính đến ngày 27/9/2021 là 50.149.589đồng, theo hợp đồng tín dụng số 2504LAV201700818 ngày 01/3/2017.

- Trả ông Trịnh Bá Diện số tiền 39.455.000đồng.

- Trả ông Trần Quang Khải số tiền 16.320.000đồng.

- Trả anh Nguyễn Hữu Huế số tiền 25.700.000đồng.

- Trả anh Nguyễn Văn Thủy số tiền 190.000.000đồng.

- Trả anh Phạm Văn Dân số tiền 50.000.000đồng.

- Trả anh Vi Văn Hùng số tiền 100.000.000đồng.

6. Về lãi suất chậm thi hành án:

- Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc

này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

7. Về chi phí tố tụng: Buộc chị Đinh Thị H và anh Lý Hải N mỗi người phải chịu 11.553.000 đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản. Xác nhận chị H đã nộp xong sản. Buộc anh Lý Hải N phải trả cho chị Đinh Thị H số tiền 11.553.000 đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản chị H đã nộp.

8 . Về án phí:

- Buộc anh Lý Hải N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; 112.041.582 đồng án phí chia tài sản chung đối với giá trị tài sản được nhận; 13.040.614 đồng án phí đối với nghĩa vụ trả nợ chung và 7.500.000 đồng án phí đối với nghĩa vụ trả nợ riêng. Nng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2018/0000498 ngày 02/12.2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Anh N còn phải nộp tiếp số tiền 132.582.196 đồng

- Buộc chị Đinh Thị H phải chịu 80.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần trích chia tài sản chung được nhận; 13.040.614 đồng đối với nghĩa vụ về nợ chung. Nng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí 20.300.000 đồng chị H đã nộp tại biên lai số AA/2018/0000591 ngày 03/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự tỉnh B. Chị H còn phải nộp tiếp số tiền 72.740.614 đồng.

8. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Lý Hải N, ông Đinh Công Đán, anh Nguyễn Văn Thủy có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Chị Đinh Thị H, anh Lý Văn Hảo, chị Lý Thị Sâm hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Hoàng Văn Khánh

Trần Thị Hà

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND xã Phượng Sơn, Lục Ngạn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM THẨM PHÁN-CHỦ
TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Trù Hữu,Lục Ngạn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

Trần Thị Hà

